

**CỤC THỐNG KÊ
THỐNG KÊ TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 70 /QĐ-TKT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 11 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025

TRƯỞNG THỐNG KÊ TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 912/QĐ-CTK ngày 11/7/2025 của Cục Thống kê về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc Cục Thống kê;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1105/QĐ-CTK ngày 31 tháng 8 năm 2025 của Cục trưởng Cục Thống kê Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi NSNN năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của Thống kê tỉnh Đắk Lắk (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, Thủ trưởng đơn vị thực hiện dự toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*ph*

Nơi nhận:

- Ban KHTC- CTK;
- Lãnh đạo TKT;
- Lưu :VT,TCHC, KT.

TRƯỞNG THỐNG KÊ



Hồ Ngọc Quang



Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: THỐNG KÊ TỈNH ĐẮK LẮK

Chương: 018

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 70 /QĐ-TKT ngày 11 / 9 /2025 của Trưởng Thống kê tỉnh Đắk Lắk

Số TT	Nội dung	Đvt: Nghìn đồng.	
		Dự toán được giao	
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.537.508	
1	Chi quản lý hành chính	6.537.508	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	6.537.508	